

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2021; nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2022

I. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Về công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

Ngay từ đầu năm, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành quán triệt sâu sắc chủ trương, đường lối của Đảng về đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính phục vụ Nhân dân, dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; lấy người dân làm trung tâm, lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo đánh giá chất lượng hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước. Bên cạnh việc tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu HĐND các cấp, nhiệm kỳ 2021 - 2026, đồng thời, chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ các nhiệm vụ cải cách hành chính (CCHC) trên địa bàn tỉnh. Trọng tâm là:

- Trình Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Khâu đột phá theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX về đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo môi trường đầu tư thông thoáng, hấp dẫn (Kế hoạch số 22-KH/TU ngày 23/7/2021); Chương trình nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng, tạo sự chuyển biến rõ nét trong sắp xếp tổ chức bộ máy và xây dựng đội ngũ cán bộ (Chương trình số 13-CTr/TU ngày 16/4/2021); trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 10/11/2021).

Triển khai thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 của Chính phủ; trên cơ sở Chương trình, Kế hoạch của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2025¹; Kế hoạch thực hiện Chương trình số 13-CTr/TU ngày 16/4/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các

¹ Quyết định số 3740/QĐ-UBND ngày 24/9/2021.

tổ chức cơ sở đảng, tạo chuyển biến rõ nét trong sắp xếp tổ chức bộ máy và xây dựng đội ngũ cán bộ²; ban hành Bộ tiêu chí và phương pháp xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa³; Kế hoạch Phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2022 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa⁴; phê duyệt Đề án Đánh giá chỉ số năng lực cạnh tranh các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện (DDCI) tỉnh Thanh Hóa⁵.

- Ban hành các văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC trên các lĩnh vực: Kế hoạch CCHC năm 2021, Kế hoạch Kiểm soát TTHC năm 2021; Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển Chính quyền số bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2021; Kế hoạch rà soát văn bản quy phạm pháp luật⁶.... Trên cơ sở Kế hoạch của UBND tỉnh, các cấp, các ngành chủ động ban hành kế hoạch triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC tại cơ quan, đơn vị, địa phương. Theo đó, 100% các cơ quan, đơn vị, địa phương đã ban hành Kế hoạch CCHC năm 2021, Kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2021; một số đơn vị ban hành Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2025, như, các sở, ngành: Tài chính, Tư pháp, Thông tin Truyền thông, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Nội vụ, Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Xây dựng, Giao thông vận tải và UBND các huyện: Đông Sơn, Hoằng Hóa, Quan Sơn, Thạch Thành, Hà Trung, Ngọc Lặc, Thường Xuân, Hậu Lộc, Thiệu Hóa.

- Chỉ đạo việc thành lập Ban Chỉ đạo đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh Thanh Hóa; Ban Xúc tiến Đầu tư đặc biệt; chỉ đạo xây dựng mẫu Bản cam kết thực hiện xây dựng chính quyền kiến tạo, phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại tổ chức bên trong của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và sắp xếp, tổ chức lại tổ chức và số lượng cấp phó các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; phê duyệt Đề án sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh⁷.

- Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Chỉ thị về việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; thành

² Kế hoạch số 167/KH-UBND ngày 09/7/2021.

³ Quyết định số 4308/QĐ-UBND ngày 29/10/2021.

⁴ Kế hoạch số 235/KH-UBND ngày 05/11/2021.

⁵ Quyết định số 4511/QĐ-UBND ngày 10/11/2021.

⁶ Quyết định số 5496/QĐ-UBND ngày 24/12/2021; Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 07/1/2021; Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 31/1/2021; Kế hoạch số 272/KH-UBND ngày 22/12/2020; Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 01/01/2021.

⁷ Quyết định số 4667/QĐ-UBND ngày 22/11/2021.

lập Tổ công tác kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công vụ trên địa bàn tỉnh⁸. Trên cơ sở đó, Tổ trưởng tổ công tác kiểm tra công vụ đã ban hành Kế hoạch, Quy chế hoạt động của Tổ công tác kiểm tra⁹; chỉ đạo các ngành, các cấp cải thiện và nâng cao Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính và Chỉ số cải cách hành chính¹⁰.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan hành chính nhà nước, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số và phát triển các dịch vụ thành phố thông minh trên địa bàn tỉnh: Phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh, phiên bản 2.0¹¹; ban hành kiến trúc ICT đô thị thông minh phiên bản 1.0¹²; triển khai thực hiện Đề án “Ứng dụng công nghệ thông tin vào cải cách hành chính, phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu chính đáng của nhân dân trên lĩnh vực an ninh, trật tự”¹³; đẩy mạnh thực hiện TTHC trên môi trường điện tử¹⁴; tăng cường tuyên truyền, mở rộng triển khai phần mềm tiếp nhận, xử lý và trả lời phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân¹⁵; triển khai thực hiện số hóa kết quả giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành cấp tỉnh, xây dựng đề án phân cấp trong giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2025¹⁶; triển khai thực Kế hoạch truyền thông giai đoạn 2020 - 2021 về thực hiện dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Quốc gia và triển khai Chương trình cắt giảm, đơn giản quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025¹⁷...; tăng cường công tác bảo đảm an toàn, an ninh trong cung ứng và sử dụng dịch vụ bưu chính; công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bưu chính đến các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính và mọi tầng lớp nhân dân¹⁸; thành lập Hội đồng thẩm định dự án: “Ứng dụng công nghệ thông tin vào cải cách hành chính”, phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu chính đáng của nhân dân trên lĩnh vực an ninh, trật tự¹⁹.

- Sở Nội vụ (cơ quan thường trực cải cách hành chính của tỉnh) thường xuyên theo dõi, đôn đốc và hướng dẫn các sở, ban, ngành, địa phương triển khai

⁸ Quyết định 2831/QĐ-UBND ngày 27/7/2021.

⁹ Kế hoạch số 800/KH-TCTKTCV ngày 27/8/2021.

¹⁰ Công văn số 14812/UBND-THKH ngày 23/9/2021.

¹¹ Quyết định số 5447/QĐ-UBND ngày 22/12/2020.

¹² Quyết định số 2269/QĐ-UBND ngày 01/7/2021.

¹³ Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 21/01/2021.

¹⁴ Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 06/01/2021.

¹⁵ Công văn số 2370/UBND-KSTTHCNC ngày 25/2/2021.

¹⁶ Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 06/01/2021.

¹⁷ Kế hoạch số 266/KH-UBND ngày 17/12/2020.

¹⁸ Chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 08/6/2021.

¹⁹ Quyết định số 4504/QĐ-UBND ngày 10/11/2021.

thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính được giao; hoàn thành việc đánh giá, chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2020 đối với các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện; hướng dẫn các sở, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã thực hiện đánh giá, chấm điểm chỉ số CCHC năm 2021; tổ chức thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh; xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện Tổng điều tra cơ sở hành chính năm 2021.

Các mô hình, sáng kiến đã được áp dụng trong năm: (i) Ban hành bộ tiêu chí đánh giá, chấm điểm chỉ số CCHC đối với UBND xã, phường, thị trấn; (ii) phê duyệt Đề án Đánh giá chỉ số năng lực cạnh tranh các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện (DDCI) tỉnh Thanh Hóa; thực hiện làm thẻ căn cước công dân tại nhà cho các đối tượng người cao tuổi, người khuyết tật.

2. Về kiểm tra công tác CCHC, thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công vụ

Sở Nội vụ ban hành kế hoạch kiểm tra CCHC năm 2021²⁰ với 16 đơn vị, trong đó có 07 đơn vị cấp sở và 09 đơn vị cấp huyện. Tính đến ngày 24/11/2021, đã thực hiện kiểm tra được 08 đơn vị cấp huyện²¹; 02 sở, ngành. Nội dung kiểm tra tập trung vào việc triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC được giao, ý thức trách nhiệm và thái độ phục vụ của công chức khi tiếp xúc, giải quyết công việc cho người dân, doanh nghiệp tại Bộ phận một cửa; việc thực hiện các nhiệm vụ đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã trong lĩnh vực quản lý nhà nước.

Trong năm, Sở Nội vụ thành lập 05 đoàn kiểm tra thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính đối với 05 đơn vị cấp huyện, 09 đơn vị cấp xã. Liên ngành Văn hóa - Y tế - Nội vụ đã kiểm tra kỷ luật, kỷ cương gắn với việc thực hiện phòng chống dịch Covid-19 tại 03 đơn vị cấp huyện. Tổ kiểm tra công vụ theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện kiểm tra 03 đơn vị cấp huyện, 02 sở, ngành, 02 đơn vị sự nghiệp. Qua kiểm tra đã kịp thời phát hiện và chấn chỉnh các tổ chức, cá nhân vi phạm.

Các sở, ngành, UBND cấp huyện chủ động xây dựng kế hoạch và tiến hành kiểm tra đối với các đơn vị trực thuộc, điển hình như: Sở Nông nghiệp và PTNT; các huyện: Hoằng Hóa, Đông Sơn, Vĩnh Lộc, Quảng Xương, Ngọc Lặc, Quan Sơn và thị xã Nghi Sơn.

3. Công tác thông tin tuyên truyền CCHC

- Công tác thông tin, tuyên truyền CCHC được các cấp, các ngành quan tâm triển khai thực hiện với nhiều hình thức phong phú, đa dạng, như: lồng ghép tuyên truyền CCHC gắn với tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật; ban hành

²⁰ Kế hoạch số 209/KH-SNV ngày 09/3/2021.

²¹ Quảng Xương, Vĩnh Lộc, Như Thanh, Quan Sơn, Ngọc Lặc, Thọ Xuân, Bá Thước, TX Nghi Sơn; Thanh tra tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Kế hoạch tổ chức cuộc thi “Báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật giỏi về pháp luật phòng, chống tham nhũng” trên địa bàn tỉnh năm 2021 bằng video, clip, tiểu phẩm; thực hiện 39 phóng sự trên Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa, 25 bài viết chuyên đề CCHC trên Báo Thanh Hóa; Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh phát hành tờ rơi hướng dẫn quy trình, thủ tục giải quyết TTHC; nhiều đơn vị xây dựng các video, phóng sự, bài viết tuyên truyền công tác CCHC, như: Sở Nội vụ, các huyện: Bá Thước, Nga Sơn, Hoằng Hóa, Thiệu Hóa và Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh.

- Nội dung tuyên truyền tập trung vào những vấn đề nóng, có tính thời sự, đặc biệt là các vấn đề hỗ trợ người dân, doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính trong đại dịch Covid-19; giải quyết hồ sơ trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 và dịch vụ bưu chính công ích; thanh toán trực tuyến; hóa đơn điện tử.

- Đầu tháng 11/2021, trang thông tin điện tử CCHC tỉnh Thanh Hóa <https://cchc.thanhhoa.gov.vn> chính thức đi vào hoạt động. Với giao diện dễ sử dụng, phong phú và tiện ích, người truy cập có thể tìm hiểu, nắm bắt các văn bản chỉ đạo, điều hành, cập nhật nhanh các vấn đề liên quan đến công tác CCHC của tỉnh và trong cả nước.

- Trong năm, Sở Nội vụ đã tổ chức 04 lớp tập huấn công tác CCHC, hướng dẫn chấm điểm xác định chỉ số CCHC trên phần mềm đối với các sở, ngành, UBND cấp huyện. Một số đơn vị cấp huyện như: thành phố Thanh Hóa, Như Xuân, Ngọc Lặc tổ chức tập huấn công tác CCHC đối với các phòng, ban, đơn vị trực thuộc và UBND cấp xã thuộc địa bàn quản lý.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC

1. Cải cách thể chế

- Công tác xây dựng pháp luật tiếp tục được các ngành, các cấp quan tâm chỉ đạo thực hiện. Tính đến tháng 11/2021, các sở, ngành đã tham mưu UBND tỉnh ban hành 30 văn bản QPPL tập trung trong các lĩnh vực: quản lý hoạt động xây dựng, phân cấp, ủy quyền, giao thông, an ninh trật tự, tài nguyên nước, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, chính sách hỗ trợ người lao động trong đại dịch Covid.... Sau khi ban hành, 100% văn bản đã được cập nhật vào cơ sở dữ liệu văn bản QPPL Quốc gia.

- Sở Tư pháp đã thẩm định và tham gia ý kiến đối với 1.040 dự thảo văn bản của tỉnh; phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh tự kiểm tra 3.275 văn bản (34 văn bản QPPL, 3.241 văn bản có chứa QPPL) do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND

tỉnh ban hành. Kết quả kiểm tra cho thấy, các văn bản được ban hành đảm bảo về thể thức, căn cứ, thẩm quyền và nội dung theo quy định của pháp luật.

- Công tác theo dõi thi hành pháp luật được triển khai nghiêm túc, Sở Tư pháp đã tham mưu xây dựng kế hoạch thực hiện quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh; rà soát, tổng hợp các vấn đề vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện các văn bản QPPL về xử lý vi phạm hành chính; hướng dẫn các ngành, các cấp xây dựng kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật; xây dựng phương án và mẫu phiếu điều tra khảo sát tình hình thi hành pháp luật trên; tham mưu cho UBND tỉnh ban hành kế hoạch, thành lập các ban, tiểu ban tổ chức cuộc thi “Báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật giỏi về pháp luật phòng, chống tham nhũng” trên địa bàn tỉnh năm 2021 (trong đó có 1 giải nhất, 2 giải nhì, 3 giải ba được trao cho Báo cáo viên pháp luật giỏi và 1 giải nhất, 2 giải nhì, 3 giải ba được trao cho Tuyên truyền viên pháp luật giỏi).

2. Cải cách thủ tục hành chính

2.1. Công tác kiểm soát thủ tục hành chính:

- UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các ngành, các cấp rà soát, kiến nghị đơn giản tối đa về hồ sơ, trình tự, thủ tục, thời gian giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền quản lý; niêm yết công khai và thực hiện giải quyết TTHC cho tổ chức, người dân; cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC và đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh; thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả TTHC trực tuyến trên Cổng dịch vụ công của tỉnh, Cổng dịch vụ công quốc gia và qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 59 quyết định công bố danh mục TTHC (170 thủ tục mới ban hành, 441 thủ tục sửa đổi, bổ sung; 231 thủ tục bãi bỏ). Tích hợp và nhập dữ liệu 611 TTHC, không công khai 231 TTHC vào cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC; không có TTHC ban hành trái thẩm quyền.

- Văn phòng UBND tỉnh hướng dẫn các đơn vị thực hiện rà soát, đánh giá 25 TTHC của 11 sở, ban, ngành cấp tỉnh²² theo Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 07/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh. Kết quả: 100% vấn đề phát hiện qua rà soát đã được xử lý hoặc kiến nghị xử lý. Cụ thể:

+ Trong tổng 25 TTHC đưa vào rà soát, giữ nguyên 02 TTHC, kiến nghị sửa đổi 23 TTHC.

²² Tư pháp; Thông tin và Truyền thông; Tài chính; Y tế; Tài nguyên và Môi trường; Khoa học và Công nghệ; Lao động - Thương binh và Xã hội; Xây dựng; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Công Thương; Nội vụ.

+ Số văn bản rà soát: 45 văn bản.

+ Số văn bản kiến nghị sửa đổi, bổ sung: 21 văn bản.

+ Chi phí tuân thủ TTHC trước rà soát: 978.761.543 đồng/năm; chi phí tuân thủ TTHC sau rà soát: 404.603.055 đồng/năm; chi phí tiết kiệm 574.158.488 đồng/năm; tỷ lệ tiết kiệm được 58,66%.

- Các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, cấp xã đã triển khai thực hiện Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính của Chính phủ; thực hiện công khai TTHC, công khai kết quả giải quyết TTHC theo mã định danh của đơn vị.

- Tiếp nhận 525 phản ánh kiến nghị (qua hệ thống phản hồi: 507 kiến nghị; qua Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh: 18 kiến nghị), nội dung kiến nghị tập trung ở một số lĩnh vực như: đất đai, xây dựng - đô thị, đăng ký kinh doanh, y tế, xúc tiến thương mại, dịch Covid.... Tất cả 100% phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức được tiếp nhận, chuyển xử lý và công khai kết quả đầy đủ, kịp thời, đúng quy định của pháp luật (đã xử lý đúng hạn: 403; từ chối 90; đang xử lý: 32 phản ánh, kiến nghị).

2.2. Tình hình thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông:

- 100% TTHC thuộc thẩm quyền của các sở, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã được đưa vào thực hiện theo cơ chế một cửa; 357 TTHC thực hiện giải quyết TTHC theo hình thức liên thông cùng cấp; 45 TTHC đang thực hiện giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền. Các sở, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện tiếp tục triển khai thực hiện việc đánh giá chất lượng giải quyết TTHC.

- Cổng dịch vụ công tỉnh Thanh Hóa đã niêm yết và cung cấp 1.968 TTHC. Trong đó, cung cấp 789 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4. Tích hợp với các hệ thống thanh toán không dùng tiền mặt (VNPTPay, PayGov) để thanh toán phí, lệ phí đối với các dịch vụ công, đặc biệt là các dịch vụ thanh toán nghĩa vụ tài chính trực tuyến trong thực hiện thủ tục hành chính về đất đai đã được triển khai thực hiện. Đến nay, 464 TTHC thực hiện theo cơ chế 4 tại chỗ (đảm bảo tỷ lệ đề ra).

- Tính đến ngày 24/9/2021, toàn tỉnh tiếp nhận 2.104.105 hồ sơ (trực tuyến: 197.061; tiếp nhận qua bưu chính công ích: 1.139.848; số kỳ trước chuyển qua: 767.196); đã giải quyết 2.000.049 hồ sơ (giải quyết đúng hạn 1.990.895; quá hạn: 9.154 hồ sơ) đang giải quyết 103.973 hồ sơ.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính

- Đã tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV, đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 bảo đảm các quy định của pháp luật, dân

chủ, tuyệt đối an toàn, tiết kiệm và thực sự là ngày hội lớn của toàn dân; kết quả đạt được của cuộc bầu cử là toàn diện²³.

- UBND tỉnh ban hành Đề án sắp xếp, tổ chức lại tổ chức bên trong của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và sắp xếp, tổ chức lại tổ chức và số lượng cấp phó các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa²⁴. Theo đó, có 8 sở, ngành giữ tổ chức bộ máy bên trong; 11 sở, ngành thực hiện sắp xếp các tổ chức trực thuộc; 16 UBND huyện, thị xã, thành phố miền xuôi và đồng bằng có 11 phòng chuyên môn trực thuộc; 11 UBND huyện miền núi có 12 phòng chuyên môn trực thuộc. Không tổ chức riêng Phòng Y tế thuộc UBND cấp huyện trên địa bàn toàn tỉnh và chuyển giao chức năng tham mưu, giúp UBND cấp huyện quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực y tế về Văn phòng HĐND và UBND thực hiện. Đến tháng 11/2021 có 23 UBND cấp huyện đã trình HĐND cùng cấp ban hành Nghị quyết giải thể Phòng Y tế; 04 UBND cấp huyện (thành phố Sầm Sơn, thị xã Nghi Sơn, thị xã Bỉm Sơn và huyện Triệu Sơn) dự kiến trình HĐND cùng cấp xem xét, giải thể Phòng Y tế tại kỳ họp HĐND cuối năm 2021; 14 UBND huyện, thị xã, thành phố đã ban hành Khung số lượng Phó Trưởng phòng theo quy định tại Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ (13 UBND huyện, thị xã, thành phố dự kiến hoàn thành việc ban hành quy định Khung số lượng Phó Trưởng phòng trước ngày 31/12/2021).

- Tiếp tục rà soát, tham mưu sắp xếp tổ chức bộ máy của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII: Chuyển giao Báo Văn hóa và Đời sống về Báo Thanh Hóa²⁵, giảm 01 đơn vị sự nghiệp công lập; tham mưu cho UBND tỉnh trình Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sắp xếp, sáp nhập các trường cao đẳng, trung cấp nghề²⁶; thành lập

²³ Toàn tỉnh có 2.631.533 cử tri/2.638.256 cử tri đi bỏ phiếu, đạt tỷ lệ 99,75%, đây là tỷ lệ cử tri đi bỏ phiếu cao nhất từ trước tới nay. Các đại biểu trúng cử với số phiếu rất cao; đối với bầu cử đại biểu Quốc hội, người trúng cử cao nhất có tỷ lệ phiếu bầu đạt 97,72%, thấp nhất đạt tỷ lệ 81,17%; đối với bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, người trúng cử cao nhất đạt tỷ lệ 99,00%, thấp nhất đạt tỷ lệ 79,69%. Tỉnh đã bầu đủ số lượng đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII; số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã bầu thiếu ít nhất so với 2 cuộc bầu cử gần đây; đồng thời, không có trường hợp Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã không trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã. Cuộc bầu cử diễn ra theo đúng quy định, tỉnh không có đơn vị bầu cử, khu vực bỏ phiếu phải tổ chức bầu cử lại do có dưới 50% tổng số cử tri tham gia bỏ phiếu hoặc bị hủy kết quả bầu cử do vi phạm pháp luật. Kết quả bầu cử đã đảm bảo cơ cấu, thành phần theo quy định; tỷ lệ đại biểu là phụ nữ, người dân tộc thiểu số, trẻ tuổi, ngoài đảng, tôn giáo, trình độ đại học và sau đại học cao hơn so với nhiệm kỳ trước. Đã chủ động các biện pháp phòng chống dịch bệnh, đảm bảo tuyệt đối an toàn cho cuộc bầu cử và thực hiện quyền bầu cử của cử tri; các cử tri ở các khu vực cách ly tập trung, cách ly tại nhà đều được thực hiện bầu cử.

²⁴ Quyết định số 2725/QĐ-UBND ngày 21/7/2021.

²⁵ Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 08/01/2021.

²⁶ Sáp nhập Trường Trung cấp phát thanh Truyền hình, Trường Trung cấp nghề xây dựng và Trường cao đẳng nghề Công nghiệp Thanh Hóa thành Trường cao đẳng Công nghiệp Thanh Hóa và sáp nhập Trường Cao đẳng

Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh trên cơ sở hợp nhất Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh và Văn phòng HĐND tỉnh Thanh Hóa; thành lập, kiện toàn các Ban Chỉ đạo cấp tỉnh; thành lập, hợp nhất, đổi tên các hội²⁷. Thành lập Ban Quản lý dự án đầu tư các công trình giao thông trên cơ sở sáp nhập Ban 1 và Ban 2; thành lập Ban Quản lý bảo trì công trình giao thông và điều hành hoạt động vận tải hành khách công cộng, trực thuộc Sở Giao thông Vận tải. Đề xuất thí điểm một số cơ chế chính sách đặc thù về tổ chức, bộ máy, biên chế tỉnh Thanh Hóa theo Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị “về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”.

- Tham mưu thực hiện tốt các quy định về: khung số lượng cấp phó của các sở, cơ quan ngang sở²⁸; giao biên chế công chức, biên chế sự nghiệp; thực hiện tinh giản biên chế²⁹; công tác địa giới hành chính³⁰; rà soát, đề xuất các nhiệm vụ phân cấp quản lý nhà nước trên các lĩnh vực theo tinh thần Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 24/6/2020 của Chính phủ.

- Tiếp tục thực hiện phân cấp, ủy quyền quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực: quản lý hoạt động đường thủy nội địa; quản lý trật tự xây dựng; cấp giấy phép xây dựng; an toàn thực phẩm; chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19...; các sở, ngành, UBND cấp huyện trên cơ sở nhiệm vụ được phân cấp đã xây dựng kế hoạch, tiến hành kiểm tra đối với các nhiệm vụ được phân cấp, điển hình như: Sở Nội vụ, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Thông tin và Truyền thông.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức

- Tiếp tục thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức, Sở Nội vụ đã tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch tuyển dụng viên chức tại 96 đơn vị; thống nhất kết quả tuyển dụng viên chức cho 5.188 người³¹; tổ chức thành công kỳ thi nâng ngạch công chức hành chính tỉnh Thanh Hóa năm 2020, bổ nhiệm ngạch và xếp lương chuyên viên

ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn với Trường Cao đẳng Nông lâm thành Trường cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa.

²⁷ Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 18/02/2021; Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 08/02/2021.

²⁸ Quyết định số 1133/QĐ-UBND ngày 07/4/2021.

²⁹ Đến tháng 9/2021 thực hiện 2 đợt được 638 người.

³⁰ Tham mưu thành lập 02 thị trấn Yên Lâm, thị trấn Quý Lộc thuộc huyện Yên Định; phối hợp kiểm tra thực địa, hiệp thương một số tuyến địa giới hành chính giáp ranh giữa huyện Như Thanh, Như Xuân, Nông Cống, Triệu Sơn, Thường Xuân. Phối hợp kiểm tra, xác nhận pháp lý bộ hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính gốc nội nghiệp các xã, thị trấn thuộc các huyện Như Thanh và huyện Như Xuân. Đã tiến hành khảo sát, tổ chức hội nghị xác định đường địa giới hành chính tại khu vực giáp ranh giữa các huyện Triệu Sơn, Nông Cống và Như Thanh; giữa huyện Lang Chánh và các huyện Quan Sơn, Ngọc Lặc.

³¹ Y tế 3.630 người, giáo dục 1.164 và các đơn vị sự nghiệp khác 394.

chính cho 205 người; bổ nhiệm ngạch chuyên viên đối với 28 người³²; phê duyệt hỗ trợ kinh phí cho 242 cán bộ, công chức được cử đi đào tạo và thưởng khi được công nhận, bổ nhiệm chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư³³; trình phê duyệt chính sách tinh giản biên chế cho 643 người³⁴; phê duyệt Kế hoạch tuyển dụng cho 96 đơn vị trên địa bàn tỉnh; đã thẩm định và thống nhất kết quả tuyển dụng viên chức cho 5.188 người tại các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh³⁵; tiếp nhận công chức không qua thi đối với 143 trường hợp vào làm việc tại các sở, ngành, UBND cấp huyện; chấp thuận cho 10 công chức tỉnh ngoài về công tác tại Sở Tài chính, Thanh tra tỉnh, UBND huyện Nông Cống, Ngọc Lặc, Cẩm Thủy và UBND thành phố Thanh Hóa; thống nhất cho 75 viên chức tỉnh ngoài về công tác tại các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Công tác cán bộ được quản lý, giám sát, thực hiện chặt chẽ. Tham mưu thực hiện và phối hợp thực hiện quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại; cử phụ trách kiêm nhiệm, bố trí công tác, kéo dài thời gian giữ chức vụ đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ban Cán sự đảng UBND tỉnh quản lý.

- Thực hiện các quy định của Chính phủ, Bộ Nội vụ về đào tạo, nâng cao năng lực, trình độ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2021³⁶; Đề án “Chương trình quốc gia về học tập ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2019 - 2030”³⁷.

- Sở Nội vụ đã phối hợp với Trường Chính trị tỉnh mở 02 lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình chuyên viên, chuyên viên chính năm 2021; 06 lớp bồi dưỡng lãnh đạo cấp phòng và tương đương; phối hợp với Trung tâm giáo dục quốc tế - Trường Đại học Hồng Đức chiêu sinh, tổ chức 02 lớp bồi dưỡng Tiếng Anh dành cho cán bộ công chức. Triển khai Đề án cập nhật kiến thức pháp luật và kỹ năng hành chính cho công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2016 - 2020. Phối hợp với Bộ Nội vụ triển khai “Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã tại chỗ, kết hợp tăng cường tri thức trẻ trong phát triển bền vững khu vực biên giới”, trên cơ sở đề xuất của 05 huyện khu vực biên giới trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục giải quyết hỗ trợ kinh phí trợ cấp một lần đối với Công an xã; Chỉ huy phó Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã nghỉ việc theo quy định; người hoạt động không chuyên trách thôi đảm nhiệm chức danh sau khi sáp nhập thôn, tổ dân

³² Quyết định số 1986/QĐ-UBND ngày 10/6/2021.

³³ Quyết định số 370/QĐ-UBND ngày 27/01/2021 (trong đó, Phó Giáo sư 04 người, Tiến sĩ 20 người, Thạc sĩ 63 người, Bác sĩ CKI 122 người, Bác sĩ CKII 9 người, Dược sỹ CKI 18 người, Điều dưỡng CKI 06 người).

³⁴ trong đó: nghỉ hưu trước tuổi là 572 người, thôi việc ngay là 71 người.

³⁵ trong đó, y tế 3.630 người, giáo dục 1.164 và các đơn vị sự nghiệp khác 394.

³⁶ Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 02/02/2021.

³⁷ Kế hoạch số 34/KH-UBND ngày 17/02/2021.

phổ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa³⁸; Chủ nhiệm hợp tác xã có quy mô toàn xã trong thời kỳ bao cấp chưa được hưởng chế độ của Nhà nước theo quy định.

5. Cải cách tài chính công

- UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị rà soát, đánh giá và quản lý chặt chẽ tài sản công theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo sử dụng tiết kiệm, hiệu quả: xây dựng định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 và ổn định đến năm 2025; ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế cho các cơ quan, đơn vị sự nghiệp y tế thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa³⁹; triển khai xây dựng phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách giai đoạn 2022 - 2025; giao thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước cấp tỉnh năm 2021⁴⁰.

- Tiếp tục triển khai Kế hoạch thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh giai đoạn 2019 - 2021, mục tiêu đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa⁴¹; kéo dài thời hạn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh quản lý đến năm 2021⁴². Điều chỉnh mức độ tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập công lập theo lộ trình đã được phê duyệt⁴³. Dự kiến phê duyệt ban hành đơn giá dịch vụ sản xuất chương trình Phát thanh, truyền hình sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Sở Tài chính hướng dẫn các đơn vị thống kê, rà soát các đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Nghị định số 150/2020/NĐ-CP ngày 25/12/2020 của Chính phủ.

6. Hiện đại hóa nền hành chính

6.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước tại địa phương:

- Tiếp tục thực hiện việc hoàn thiện khung pháp lý, tạo điều kiện triển khai các nhiệm vụ về xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, UBND tỉnh đã phê duyệt Đề cương Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Thanh Hóa, phiên bản 2.0⁴⁴. Đến nay, trực tích hợp nội tỉnh LGSP, liên thông các phần mềm ứng dụng dùng chung, các phần mềm chuyên ngành trên địa bàn tỉnh được kết nối liên thông với hệ thống của quốc gia; phạm vi gửi, nhận văn bản liên thông 04 cấp

³⁸ Quyết định số 392/QĐ-UBND ngày 30/01/2020.

³⁹ Quyết định số 1770/QĐ-UBND ngày 27/5/2021.

⁴⁰ Quyết định số 5654/QĐ-UBND ngày 31/12/2020.

⁴¹ Kế hoạch số 91/KH-UBND ngày 09/4/2019.

⁴² Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 11/01/2021.

⁴³ Quyết định số 2211/QĐ-UBND ngày 28/6/2021.

⁴⁴ Quyết định số 5447/QĐ-UBND ngày 22/12/2020.

chính quyền từ Trung ương đến cấp xã; đảm bảo kết nối, liên thông các phần mềm ứng dụng dùng chung, các phần mềm chuyên ngành.

- Các Trung tâm tích hợp dữ liệu của Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng UBND tỉnh và Sở Thông tin và Truyền thông duy trì hoạt động, phục vụ các cơ quan Đảng và cơ quan Nhà nước trong khai thác các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, các phần mềm ứng dụng đảm bảo an ninh, an toàn thông tin mạng.

- Các cấp, các ngành tích cực thực hiện việc sử dụng văn bản điện tử; hệ thống truyền hình trực tuyến tại 348 điểm cầu (32 điểm cầu tại các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện; 316 điểm cầu tại 14 UBND cấp xã).

- Cổng Dịch vụ công tỉnh được tích hợp với Cổng dịch vụ công Quốc gia, cùng với triển khai tích hợp các hệ thống thanh toán trực tuyến: VNPT Pay, PayGov công khai, minh bạch trong giải quyết TTHC của các cơ quan nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, người dân, doanh nghiệp thực hiện TTHC mọi lúc, mọi nơi, tiết kiệm thời gian, chi phí. Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh đã niêm yết và cung cấp 1.985 TTHC, trong đó cung cấp 831 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 (162 dịch vụ công mức độ 3 và 669 dịch vụ công mức độ 4); Tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 đạt 91,7%, mức độ 4 đạt 86,27%; tích hợp với cổng dịch vụ công Quốc gia 741 dịch vụ công (tăng 383 dịch vụ công so với cuối năm 2020).

- Ứng dụng chữ ký số chuyên dùng được sử dụng tại 100% các cơ quan hành chính và hơn 150 đơn vị sự nghiệp của tỉnh; đã cấp hơn 1.100 chứng thư số cá nhân. Tích hợp chữ ký số trên phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc; hiện nay đang thí điểm ký số trên thiết bị di động. Tỷ lệ văn bản điện tử có ký số đạt trên 99% (trừ các văn bản mật theo quy định); 100% sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện và 100% UBND cấp xã đã thực hiện trao đổi, tạo lập, xử lý, ký số văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường điện tử. Tổng số lượt trao đổi, xử lý văn bản trên hệ thống là 1.988.791 lượt văn bản (văn bản đến); tổng số văn bản đi là 808.230 văn bản.

6.2. Về áp dụng ISO trong hoạt động của cơ quan hành chính:

- Tiếp tục triển khai Kế hoạch số 5463/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện chuyển đổi Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 sang ISO 9001:2015 (cho 96/96 UBND cấp xã; 38/38 cơ quan hành chính nhà nước).

- Đến nay, toàn tỉnh có 371 UBND cấp xã công bố áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng. Trong đó, 311 UBND cấp xã công bố phù hợp theo TCVN ISO

9001:2015; 60 UBND xã công bố phù hợp TCVN ISO 9001:2008, 44 cơ quan thuộc diện bắt buộc hoàn thành việc chuyển đổi sang TCVN ISO 9001:2015.

III. NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2022

1. Cải cách thể chế

1.1. Ban hành kịp thời, đúng hạn các văn bản quy định tại các Luật, Pháp lệnh, Nghị định của Chính phủ, Thông tư của các bộ, ngành theo thẩm quyền của tỉnh.

1.2. Rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng mới các văn bản QPPL thuộc các lĩnh vực: đất đai, xây dựng, môi trường, tài chính ngân sách, văn hóa, thể thao, y tế, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, an sinh xã hội.

1.3. Xây dựng các cơ chế, chính sách ưu đãi nhằm huy động các tổ chức, doanh nghiệp tham gia đầu tư trong lĩnh vực xã hội hóa giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao và du lịch.

1.4. Xây dựng và hoàn thiện quy chế phối hợp giữa các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh và UBND huyện, thị xã, thành phố trong giải quyết thủ tục hành chính.

1.5. Tiếp tục phân cấp quản lý nhà nước theo quy định của Trung ương trong các lĩnh vực quản lý nhà nước.

1.6. Tăng cường theo dõi, kiểm tra việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước trong công tác tổ chức thi hành pháp luật.

2. Cải cách thủ tục hành chính

2.1. Đẩy mạnh việc giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ; trao đổi văn bản trên môi trường mạng; số hóa kết quả thủ tục hành chính để nâng cao tính công khai, minh bạch, rút ngắn thời gian, tiết kiệm chi phí.

2.2. Duy trì tỷ lệ giải quyết đúng hạn từ 98% trở lên; có từ 80% hồ sơ thủ tục hành chính đủ điều kiện được giải quyết trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 và được số hóa kết quả giải quyết; 90% tổ chức, người dân, doanh nghiệp hài lòng với sự phục vụ của các cơ quan.

2.3. Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan trong giải quyết thủ tục hành chính. Rà soát, đơn giản hóa quy trình liên thông giải quyết công việc giữa các cơ quan hành chính nhà nước và trong nội bộ của từng cơ quan hành chính nhà nước các cấp theo hướng minh bạch, nâng cao trách nhiệm giải trình.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

3.1. Hoàn thành việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP của Chính phủ; cơ cấu lại số lượng cấp phó các phòng, ban, đơn vị trực thuộc các sở, ngành, UBND cấp huyện.

3.2. Khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với việc phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh.

3.3. Triển khai Đề án sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh quản lý, giai đoạn 2021 - 2025 theo Kế hoạch của UBND tỉnh.

4. Cải cách chế độ công vụ

4.1. Rà soát, sửa đổi, bổ sung: Quyết định số 1100/2017/QĐ-UBND ngày 12/4/2017 quy định về phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức; Quyết định số 2235/2017/QĐ-UBND ngày 28/6/2017 về quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm công chức, viên chức lãnh đạo quản lý; Quyết định số 1941/2017/QĐ-UBND ngày 07/6/2017 về quy chế tiếp nhận cán bộ, công chức; tuyển dụng công chức đối với các trường hợp đặc biệt và xét chuyển cán bộ, công chức cấp xã thành công chức cấp huyện trở lên; Quyết định số 1942/2017/QĐ-UBND ngày 07/6/2017 quy định về tuyển dụng viên chức cho các đơn vị sự nghiệp công lập.

4.2. Xây dựng ban hành quy định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính các cấp khi để xảy ra tình trạng cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý có hành vi vi phạm bị xử lý trong giải quyết thủ tục hành chính; quy định xử lý đối với cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm, gây phiền hà, nhũng nhiễu tổ chức, người dân và doanh nghiệp.

4.3. Quy định chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức thực hiện công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính các cấp.

4.4. Tiếp tục thực hiện các quy định về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động công vụ; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm minh những tổ chức, cá nhân sai phạm.

4.5. Đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho cán bộ, công chức, viên chức.

5. Cải cách tài chính công

5.1. Xây dựng định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022, ổn định đến năm 2025, tỉnh Thanh Hóa.

5.2. Xây dựng quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách địa phương giai đoạn 2022 - 2025.

5.3. Xây dựng kế hoạch, lộ trình triển khai thực hiện giao quyền tự chủ về tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022 - 2025.

5.4. Thí điểm mở rộng cơ chế tự chủ đối với lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

6. Hiện đại hóa hành chính nhà nước

6.1. Rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung khung pháp lý của tỉnh trong xây dựng, phát triển Chính quyền số. Xây dựng các chính sách, quy định pháp lý về phí, lệ phí nhằm khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng, cung cấp các dịch vụ số.

6.2. Triển khai xây dựng Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh của tỉnh (IOC); Tổng đài dịch vụ giải đáp thông tin tỉnh Thanh Hóa (Tổng đài 1022). Duy trì và nâng cấp Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

6.3. Xây dựng hệ thống dữ liệu thông tin tích hợp các văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh.

6.4. Xây dựng và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai; Quản lý, vận hành Trung tâm điều hành và lưu trữ, truyền tin và kết nối dữ liệu quan trắc đối với các trạm quan trắc môi trường tự động liên tục về nước biển, nước thải và khí thải của các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Quản lý, vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Tài nguyên và Môi trường, đảm bảo việc tiếp cận thông tin, dữ liệu cho các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp.

6.5. Xây dựng Đề án số hóa tài liệu tại kho lưu trữ của tỉnh.

6.6. Phát triển các hệ thống làm việc tại nhà, từ xa của các cơ quan nhà nước: ứng dụng mạnh mẽ, hiệu quả các công nghệ số mới như điện toán đám mây (Cloud Computing), dữ liệu lớn (Big Data), di động, internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain), mạng xã hội và các công nghệ số

mới trong xây dựng, triển khai các ứng dụng, dịch vụ Chính quyền điện tử tại sở, ngành, địa phương.

6.7. Tiếp tục hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc xây dựng và duy trì áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn ISO 9001:2015 vào hoạt động tại các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn. Triển khai áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2005 đến 100% UBND cấp xã./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ (để b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, THKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thi

Phụ lục**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TỈNH THANH HÓA**

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Kết quả	
1.	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1.1.	Kế hoạch CCHC			
1.1.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	35	
1.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	35	
1.1.3.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	35	
1.2.	Kiểm tra CCHC			
1.1.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	-	Các đơn vị còn lại sẽ tiến hành trong cuối tháng 11/2021
1.1.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	05	
1.1.3.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	03	
1.1.4.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	03	
1.3.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			Triệt xuất phần mềm Chính phủ giao nhiệm vụ cho tỉnh Thanh Hóa. 13/58 nhiệm vụ đang thực hiện trong hạn
1.3.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	58	
1.3.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	45	
1.3.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Kết quả	
1.4.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			Đã xây dựng kế hoạch khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức
1.4.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	1.500	
1.4.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	1	
1.5.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	
2.	Cải cách thể chế			
2.1.	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản	29	
2.2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	19	
2.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	3275	
2.4.	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản	14	
2.5.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	14	QĐ số 641/QĐ-UBND ngày 24/2/2020
3.	Cải cách thủ tục hành chính			
3.1.	Thống kê TTHC			
3.1.1.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	172	
3.1.2.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	191	
3.1.3.	Tổng số TTHC đang có hiệu lực	Thủ tục	1.985	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Kết quả	
Trong đó	Số TTHC cấp tỉnh:	Thủ tục	1.426	
	Số TTHC cấp huyện:	Thủ tục	323	
	Số TTHC cấp xã:	Thủ tục	226	
3.2.	Vận hành Cổng dịch vụ công			
3.2.1.	Số TTHC đã cập nhật, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	1.985	
3.2.2.	Số TTHC mức độ 3 và 4 đã tích hợp lên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	831	
3.3.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
3.3.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	357	
3.3.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	45	
3.3.3.	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%	100	
3.3.4.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%	100	
3.4.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.4.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	92,41	
3.4.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	97,24	
3.4.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,38	
3.4.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp).	%	-	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Kết quả	
3.4.5.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp).	%	-	
3.5.	Vận hành Cổng dịch vụ công			
3.5.1.	Số TTHC được tích hợp lên Cổng DVC	Thủ tục	1.968	
3.5.2.	Số TTHC cung cấp mức độ 3, 4 trên Cổng DVC	Thủ tục	741	
3.5.3.	Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến.	Thủ tục	1.968	100% các TTHC đã được cấu hình với các hệ thống thanh toán trực tuyến
4.	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			
4.1.	Cơ cấu tổ chức bộ máy			
4.1.1.	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh	Cơ quan, đơn vị	21	
4.1.2.	Số ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Cơ quan, đơn vị	04	
4.1.3.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Cơ quan, đơn vị	188	
4.1.4.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh	Cơ quan, đơn vị	2.231	
Trong đó	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh</i>	Cơ quan, đơn vị	15	
	<i>Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương</i>	Cơ quan, đơn vị	231	
	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện</i>	Cơ quan, đơn vị	1.985	
	<i>Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015</i>	%	9,6	
4.2.	Số liệu về biên chế công chức			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Kết quả	
4.2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	3.698	
4.2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	3.521	
4.2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	0	Không giao trong chỉ tiêu biên chế
4.2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	395	
4.2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	15,2	
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
4.3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	60.859	
4.3.2.	Tổng số người làm việc có mặt	Người	59.338	
4.3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	23.624	Giảm so với số giao năm 2015
4.3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	27,6	
5.	Cải cách chế độ công vụ			
5.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
5.1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	21/21	Số liệu tính đến thời điểm hiện tại
5.1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	1.989	
5.1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	-	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Kết quả	
5.2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
5.2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	-	
5.2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	104	
5.2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	-	
5.2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	5.188	
5.2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	-	
5.3.	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo			
5.3.1.	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện = 0	1	Các đối tượng BTV Tỉnh ủy QL
5.3.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	43	
5.3.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	57	
5.3.4.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện được bổ nhiệm mới	Người	138	
5.4.	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).		-	
5.4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	-	
5.4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	-	
5.4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	-	
5.4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ	Người	-	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Kết quả	
	luật.			
6.	Cải cách tài chính công			
6.1.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	01	
6.2.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	18	
6.3.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	2.190	
6.4.	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	21	
6.5.	Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
7.	Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số			
7.1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
7.2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện. Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã.	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
7.3.	Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Kết quả	
7.4.	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã được cấp chứng thư số.	%	100	
7.5.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
7.6.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
7.6.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
Trong đó	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%	100	
7.6.2.	Tổng số VĂN BẢN ĐI giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	Văn bản	808.230	
Trong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	99,08	Trừ văn bản mật
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%	0,92	
7.7.	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
7.7.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
7.7.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
7.7.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	99,9	
7.8.	Dịch vụ công trực tuyến		831	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Kết quả	
7.8.1.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	162	
7.8.2.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	669	
7.8.3.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3	%	91,7	
7.8.4.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4	%	86,27	